Cơ quan: Sở Tư pháp
Email: tuphap@tuyenquang.gov.vn
Thời gian ký: 11.12.2019 11:11:04 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13 /2019/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014 và các văn bản hiện hành hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 146/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về việc phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường *(bao gồm các dự án, đề tài, chương trình bảo vệ môi trường nếu có)* từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung chi về bảo vệ môi trường từ các nguồn kinh phí khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

c) Khi các văn bản quy định được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố *(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)*; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã)*.

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường của tỉnh.

2. Hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh; thẩm định các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được chi từ nguồn sự nghiệp môi trường, thuộc trách nhiệm của tỉnh.

3. Hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý theo Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *(bao gồm vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định, thay thế thiết bị phụ trợ, công cụ, dụng cụ)*; xây dựng và thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của tỉnh.

4. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh *(bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường);* xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh.

5. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải, điều tra, đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường, đánh giá sức chịu tải của môi trường, thuộc nhiệm vụ của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ.

6. Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt *(bao gồm các nội dung: Điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án)*, gồm:

a) Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh *(không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải)*.

b) Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên bộ: Tài chính - Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 *(không bao gồm công tác lập, thẩm định và điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học)*.

8. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường của tỉnh *(bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu)*; thống kê môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường trên địa bàn tỉnh; báo cáo công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

9. Hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Hỗ trợ các hoạt động về bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường *(hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội)*.

10. Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.

11. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường; chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

12. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường *(bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)* thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

13. Hoạt động kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án; kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, hoạt động kiểm tra việc thực hiện giấy chứng nhận, giấy phép về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuộc trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

14. Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường.

15. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng Thường trực về bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

16. Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý và thực hiện.

17. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của tỉnh.

Điều 3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Xây dựng, điều chỉnh chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện.

2. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn cấp huyện *(bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường)*; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn cấp huyện.

3. Hỗ trợ công tác quản lý chất thải; thống kê, cập nhật tình hình phát sinh chất thải, sản phẩm thải bỏ trên địa bàn cấp huyện.

4. Hỗ trợ công tác xử lý ô nhiễm môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn cấp huyện *(bao gồm các nội dung: điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường, lập kế hoạch, đề án, dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải nếu có, kiểm tra, nghiệm thu dự án)*, gồm:

a) Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn cấp huyện *(không bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở xử lý chất thải)*.

b) Dự án về bảo vệ môi trường khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hỗ trợ công tác bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn cấp huyện quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 160/2014/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên bộ: Tài chính - Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, gồm có:

a) Xây dựng báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học cấp huyện.

b) Thống kê đa dạng sinh học theo quyết định của cấp có thẩm quyền; xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học.

c) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học.

d) Xây dựng kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.

6. Duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường của cấp huyện *(bao gồm thu thập, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin dữ liệu)*; báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp huyện.

7. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng do cấp huyện quản lý; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác thải, vệ sinh môi trường ở nơi công cộng, khu dân cư theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Hỗ trợ duy trì, vận hành các công trình xử lý ô nhiễm môi trường công cộng do cấp huyện quản lý; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển trên địa bàn cấp huyện.

9. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp huyện; chi khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

10. Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường *(bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)* thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

11. Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

12. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng Thường trực về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

13. Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi sự nghiệp về bảo vệ môi trường do cấp huyện quản lý và thực hiện.

14. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện.

15. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã.

2. Hỗ trợ công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn cấp xã *(bao gồm kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến môi trường)*; ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn cấp xã.

3. Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý, giảm thiểu, tái chế chất thải trên địa bàn cấp xã.

4. Đánh giá và báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp xã.

5. Quản lý các công trình vệ sinh công cộng do cấp xã quản lý; hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản về môi trường *(hợp tác xã, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ vệ sinh môi trường cấp xã, thôn, tổ dân phố)* trên địa bàn cấp xã.

6. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn cấp xã.

7. Hỗ trợ công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường *(bao gồm bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)* thuộc trách nhiệm của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

8. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã.

9. Các hoạt động bảo vệ môi trường khác thuộc trách nhiệm của cấp xã.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2019; có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQVN;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang; Đài PT & TH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Hội đồng nhân dân tỉnh
Tuyên Quang
10-12-2019 11:13:44
+07:00

Nguyễn Văn Sơn